**TUẦN 23**

*Thứ hai, ngày 17 tháng 2 năm 2025*

**Tiết 1: Hoạt động trải nghiệm:**

**SINH HOẠT DƯỚI CỜ: PHÁT ĐỘNG HỘI DIỄN THEO CHỦ ĐỀ QUÊ HƯƠNG EM**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực:**

***Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động***

- Biết được nội dung, kế hoạch hội diễn văn nghệ của nhà trường.

- Hào hứng tham gia hoạt động chuẩn bị.

- Nghe đánh giá hoạt động tuần qua của toàn trường và kế hoạch tuần 23.

**2.Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Tham gia tích cực hoạt động văn nghệ từ đó thêm yêu quê hương đất nước.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Loa, máy

- HS: Ghế, mũ.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| --- | --- |
| **1.Khởi động (3phút)**- GV cho HS ổn định tổ chức, chỉnh đốn đội hình đội ngũ, trang phục để chuẩn bị nghi lễ chào cờ.**2.Thực hiện nghi lễ chào cờ (15 phút)**a..Chào cờ, Quốc ca, Đội ca.b.Nghe Đội đánh giá hoạt động của các lớp trong tuần 22c.Nghe nhà trường triển khai kế hoạch tuần 23.**3.Phát động hội diễn theo chủ đề Quê hương em. (16 phút)**-GV triển khai kế hoạch tổ chức hội diễn văn nghệ theo chủ đề “Quê hương em”: + Mục đích tổ chức hội diễn văn nghệ: ca ngợi Tổ quốc, tình yêu quê hương, đất nước. + Hướng dẫn HS chuẩn bị các tiết mục văn nghệ theo chủ đề “Quê hương em” đa dạng về hình thức, phong phú về loại hình. - Hướng dẫn HS xây dựng nội dung, chương trình văn nghệ và tổ chức luyện tập các tiết mục văn nghệ theo chủ đề “Quê hương em”.**4. Vận dụng: (1 phút)****-**Dặn các nhóm về tập luyện để tuần sau biểu diễn. | -HS tập hợp theo 3 hàng dọc.-HS thực hiện nghi lễ chào cờ.-HS lắng nghe, tiếp thu để thực hiện.-HS lắng nghe để thực hiện.-Các nhóm xây dựng kế hoạch tập luyện các tiết mục văn nghệ về chủ đề “Quê hương em”-Các nhóm tìm bài hát, múa phù hợp với chủ đề để tập luyện.  |

**IV.ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Tiết 2+3: Tiếng Việt:**

**BÀI 118: OAM, OĂM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1.Phát triển năng lực đặc thù:**

***Năng lực ngôn ngữ***

- Nhận biết các vần **oam, oăm**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **oam, oăm**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **oam,** vần **oăm**.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc **Mưu chú thỏ**.

- Viết đúng các vần **oam, oăm,** các tiếng **ngoạm**, (mỏ) **khoằm** cỡ nhỡ (trên bảng con).

***Năng lực văn học:***

- HS trả lời được các câu hỏi tìm hiểu nội dung bài, hiểu được nội dung bài Mưu chú thỏ.

- Qua nội dung bài đọc HS học tập thông minh mưu trí như chú thỏ.

**2.Phẩm chất:**

- Yêu nước: + Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

 +Thông minh như chú thỏ.

- Chăm chỉ: +Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Học liệu điện tử.

- HS: Bộ đồ dùng Tiếng Việt, Sách TV, bảng, phấn.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| --- | --- |
| **1.Mở đầu: (5 phút)****-** Cho HS hát bài: Ba thương con.- Cho HS đọc một số vần và tiếng chứa vần đã học tuần trước.- Nhận xét HS đọc bài.- Giới thiệu bài: vần oam, vần oăm**2. Chia sẻ và khám phá (15 phút)*****2.1. Dạy vần oam*** - GV giới thiệu vần oam: o-a-m-Cho HS quan sát tranh, đọc, phân tích, đánh vần vần oam, tiếng ngoạm+Phân tích vần **oam**: âm **o** đứng trước, âm **a** đứng giữa, **m** đứng cuối.+ Đánh vần, đọc trơn: o - a - mờ - oam / ngờ - oam - ngoam - nặng - ngoạm / ngoạm.***2.2. Dạy vần oăm***-GV giới thiệu vần oăm-Cho HS quan sát tranh, đọc, phân tích, đánh vần vần oăm, tiếng khoằm.Đánh vần, đọc trơn: *o - ă - mờ - oăm / khờ - oăm - khoăm - huyền - khoằm / mỏ khoằm.*-Cho cả lớp đánh vần, đọc trơn các vần mới, từ khoá vừa học.- Cho HS so sánh vần oam, oăm.- Cho HS cài: oam, oăm, ngoạm, khoằm.**3. Luyện tập (15 phút)*****3.1. Mở rộng vốn từ*** (BT 2: Tiếng nào có vần oam? Tiếng nào có vần oăm?)- GV chỉ từng tửng từ cho HS đánh vần, từng tổ đánh vần, đọc trơn.*nhồm nhoàm, sâu hoắm, ngoạm*. Chỉ từng câu cho cả lớp đọc trơn: *Dê nhai lá nhồm nhoàm,..*- GV chỉ từng từ, cho cả lớp nói kết quả.***3.2. Tập viết*** (bảng con - BT 4) a) Cho cả lớp đọc các vần, tiếng vừa học: oam, oăm, ngoạm, mỏ khoằm.b) Viết vần: oam, oăm- GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn.- Cho HS viết: oam, oămc) Viết tiếng: ngoạm, mỏ khoằm.- GV vừa viết mẫu: ngoạm, mỏ khoằm vừa hướng dẫn.- Cho HS viết: ngoạm, mỏ khoằm.- Nhận xét HS viết. | - Cả lớp hát và vận động theo nhạc.- HS đọc bài.-Cá nhân, cả lớp đọc.- HS phát âm: oam, ngoạm, -HS phân tích đánh vần: oam, ngoạm.(Cặp đôi) 0 Đánh vần, đọc trơn: oam, ngoạm ( cá nhân, cặp đôi, N4)-HS phân tích, đánh vần: oăm, khoằm ( cặp đôi) -HS đánh vần, đọc trơn oăm, khoằm (cá nhân, cả lớp).-HS thực hiện.-HS so sánh.-HS cài.-Cá nhân, tổ thực hiện: đánh vần, đọc trơn.- HS đọc thầm từng câu, tìm tiếng có vần **oam**, vần **oăm**. /HS nói kết quả -HS nói tiếng có vần oam, oăm.-Cả lớp đọc.- Một HS đọc vần oam, oăm nói cách viết.-Theo dõi GV hướng dẫn viết.-HS viết bảng con.-Theo dõi GV hướng dẫn viết.-HS viết bảng con. |

**TIẾT 2**

| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| --- | --- |
| **3.Luyện tập: (32 phút)*****3.3. Tập đọc*** (BT 3)a) GV chỉ hình minh hoạ bài Mưu chú thỏ, giới thiệu: *hổ đang nhìn bóng mình dưới giếng, thỏ đứng trong bụi cây bên giếng nhìn ra.*b) GV đọc mẫu. Giải nghĩa từ: lang thang (đi đến chỗ này rồi lại đi chỗ khác, không dừng lại ở chỗ nào); giếng (hố đào sâu xuống lòng đất để lấy nước); sâu hoắm (rất sâu, không thấy đáy).c) Luyện đọc từ ngữ: mưu, nộp mạng, đến lượt, buồn bã, lang thang, lòng giếng sâu hoắm, oàm, tiếng gầm, lao xuống, hết đời.d) Luyện đọc câu -Cho HS đọc thầm, đếm số câu.- GV chỉ từng câu, cho HS đọc vỡ.- Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền câu 4 và 5; câu 7 và 8). e) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (mỗi đoạn 5 câu); thi đọc cả bài. g) Tìm hiểu bài đọc -Cho 1 HS đọc trước lớp nội dung BT.-Cho HS viết ý mình chọn.-Cho HS thực hành hỏi đáp.- GV nhắc HS không chơi gần giống hoặc hố sâu nguy hiểm. **4.Vận dụng: (3 phút)**- Tìm tiếng có vần oam, oăm.- Đọc lại bài tập đọc cho người thân nghe. | -Theo dõi GV giới thiệu bài.-HS theo dõi.-Luyện đọc: cá nhân, cả lớp.-Đọc thầm, đếm số câu (10 câu).-1 HS, cả lớp đọc vỡ.-HS đọc nối tiếp câu.-HS thực hiện.-1 HS đọc nội dung BT.-HS viết ý mình chọn lên bảng con: Ý b đúng.-Một HS hỏi- 1 HS trả lời. |

**IV.ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiết 3: Toán:**

**Bài 48: LUYỆN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1.Kiến thức và kĩ năng:**

- Thực hành nhận biết cấu tạo số có hai chữ số.

- Thực hành vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế.

**2.Năng lực**

- Thông qua việc quan sát, phân tích cấu tạo của số có hai chữ số, xác định được giá trị của mỗi số dựa vào vị trí của số đó( NL tư duy và lập luận toán học)

**3.Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: HS thích môn toán, ham học toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Học liệu điện tử; Bảng chục - đơn vị đã kẻ sẵn.

- HS: Sách Toán, vở bài tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| --- | --- |
| **1.Khởi động: (5 phút)**-Cho HS chơi trò chơi “Bắn tên”Nêu hàng chục và đơn vị của số.-Nhận xét HS chơi.-GV giới thiệu bài.**2.Thực hành, luyện tập (25 phút)****Bài 1: Số?**-Cho HS thực hiện các thao tác sau rồi nói cho bạn nghe.-Cho HS chia sả kết quả trước lớp.-GV chốt kết quả đúng.**Bài 2: Trả lời câu hỏi.****-**Cho HS đọc câu hỏi, trả lời câu hỏi sau đó chia sẻ kết quả với bạn.**-**Cho HS chia sẻ kết quả trước lớp.-GV gọi HS trả lời lại các câu hỏi.-Cho HS đố nhau với các số khác.**Bài 3: Trò chơi “ Tìm số thích hợp”****-**Cho HS chơi trò chơi đố nhau theo cặp.-Theo dõi HS chơi.-Cho các cặp chia sẻ kết quả trước lớp.-GV nhận xét, chốt kết quả đúng.**Bài 4: Số?****-**Cho HS quan sát bảng trong sách và thực hiện theo cặp đôi.-Cho HS chia sẻ kết quả trước lớp.-GV chốt kết quả đúng.**3.Vận dụng: (5 phút)****Bài 5:** Xem tranh rồi đếm số quả mỗi loại.**-**Cho HS dự đoán xem có bao nhiêu quả mỗi loại rồi đếm kiểm tra kết quả.-Cho HS chia sẻ kết quả trong nhóm, trước lớp.-GV cùng HS kiểm tra lại kết quả.- Về nhà, em hãy quan sát xem trong cuộc sống mọi người có dùng “chục” và “đơn vị” không. Sử dụng trong các tình huống nào. | -HS chơi trò chơi.+Chủ trò nêu số.+HS được nêu tên nói số đó gồm …chục…đơn vị.-HS đếm và nói cho bạn nghe+ Nói số.+Số đó gồm mấy chục, mấy đơn vị.-Chia sẻ kết quả trước lớp.-Nhận xét, thống nhất kết quả.-HS tự trả lời câu hỏi sau đó chia sẻ với bạn.-Chia sẻ kết quả trước lớp.-Lần lượt trả lời các câu hỏi.-Đố nhau với các số khác.-HS thực hiện thao cặp.+Đặt lên bàn thẻ số. Quan sát các tấm thẻ ghi.+ Đặt câu hỏi để bạn tìm đúng thẻ ghi số đó.-Chia sẻ kết quả trước lớp.-Thực hiện theo cặp đôi: Viết số thích hợp vào mỗi ô và đọc số đó.-Chỉ vào số vừa viết nói cho bạn nghe.-HS dự đoán có bao nhiêu quả và đếm kiểm tra.-Chia sẻ kq với bạn. |

**IV.ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*Thứ ba, ngày 18 tháng 2 năm 2025*

**Tiết 1: Tiếng Việt:**

**BÀI 119: OAN, OAT (T1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1.Phát triển năng lực đặc thù:**

***Năng lực ngôn ngữ:***

- HS nhận biết các vần **oan, oat**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **oan, oat**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **oan**, vần **oat**.

- Viết đúng các vần **oan, oat**, các tiếng (máy) **khoan**, (trốn) **thoát** cỡ nhỡ (trên bảng con).

**2.Phẩm chất:**

- Yêu nước: Khơi gợi tình yêu thiên nhiên, tình yêu quê hương, đất nước.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Học liệu điện tử.

-HS: Bộ đồ dùng học TV, Sách TV, vở BT, bảng, phấn

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**TIẾT 1**

| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| --- | --- |
| **1.Mở đầu: (4 phút)****-**Cho HS hát 1 bài: Em yêu trường em.-Cho HS dọc một số vần và tiếng chứa vần đã học.-Giới thiệu bài: vần oan vần oat.**2. Chia sẻ và khám phá (15 phút)*****2.1. Dạy vần oan***- GV giới thiệu vần oan: o-a-n-Cho HS quan sát tranh, đọc, phân tích, đánh vần vần oan, tiếng khoan.+Phân tích vần **oan**: âm **o** đứng trước, âm **a** đứng giữa, **n** đứng cuối.+ Đánh vần, đọc trơn: o - a - nờ - oan / khờ - oan - khoan / khoan.***2.2. Dạy vần oat***-GV giới thiệu vần oat-Cho HS quan sát tranh, đọc, phân tích, đánh vần vần oat, tiếng thoátĐánh vần, đọc trơn: *o - a – tờ - oat/ thờ - oat- thoat – sắc - thoát / trốn thoát*.*.*-Cho cả lớp đánh vần, đọc trơn các vần mới, từ khoá vừa học.- Cho HS so sánh vần oan, oat.- Cho HS cài oan, oat, khoan, thoát**3. Luyện tập (16 phút)*****3.1. Mở rộng vốn từ*** (BT 2: Tiếng nào có vần oan? Tiếng nào có vần oat?)- GV chỉ từng tửng từ cho HS đánh vần, từng tổ đánh vần, đọc trơn: phim hoạt hình, đĩa oản,...- GV chỉ từng từ, cho cả lớp nói kết quả.***3.2. Tập viết*** (bảng con - BT 4) a) Cho cả lớp đọc các vần, tiếng vừa học: oan, oat, khoan, trốn thoát.b) Viết vần: oan, oat- GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn.- Cho HS viết: oan, oatc) Viết tiếng: khoan, trốn thoát.- GV vừa viết mẫu: khoan, trốn thoát.vừa hướng dẫn.- Cho HS viết: khoan, trốn thoát.- Nhận xét HS viết.**4.Vận dụng:**-Cho HS tìm tiếng ngoài bài có vần oan, oat. Đặt câu với tiếng vừa tìm được. | -Cả lớp hát và vận động theo nhạc.-HS đọc.- HS phân tích, đánh vần oan, khoan.(Cặp đôi).-Đọc trơn: oan, khoan, ( Cá nhân, cặp đôi, cả lớp)-Phân tích, đánh vần: oat, thoát ( cặp đôi)-Đánh vần, đọc trơn oat, thoát (cá nhân, cặp đôi, cả lớp).-HS thực hiện.-HS so sánh.-HS cài.-Cá nhân, tổ thực hiện: đánh vần, đọc trơn.- HS đọc thầm, làm bài. -HS nói kết quả -HS nói tiếng có vần oam, oăm.-Cả lớp đọc.- Một HS đọc vần oan, oat nói cách viết.-Theo dõi GV hướng dẫn viết.-HS viết bảng con.-Theo dõi GV hướng dẫn viết.-HS viết bảng con.-HS tìm và đặt câu. |

**IV.ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Tiết 2: Tiếng Việt:**

**BÀI 119: OAN, OAT (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1.Phát triển năng lực đặc thù:**

***Năng lực ngôn ngữ:***

- HS nhận biết các vần **oan, oat**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **oan, oat**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **oan**, vần **oat**.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc **Đeo chuông cổ mèo**.

- Viết đúng các vần **oan, oat**, các tiếng (máy) **khoan**, (trốn) **thoát** cỡ nhỡ (trên bảng con).

***Năng lực văn học:***

-HS trả lời được các câu hỏi tìm hiểu nội dung bài đọc và hiểu được nội dung bài Đeo chuông cổ mèo.

**2.Phẩm chất:**

- Yêu nước: Khơi gợi tình yêu thiên nhiên, tình yêu quê hương, đất nước.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Học liệu điện tử.

- HS: Sách TV, vở BT, bút.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| --- | --- |
| **1. Khởi động: ( 3 phút)**- Cho HS chơi trò chơi” Đố bạn” Tìm tiếng có vần oăn, oăt. Đặt câu với tiếng vừa tìm được.- Nhận xét HS chơi.**2. Luyện tập (29 phút)*****Tập đọc*** (BT 3)a) GV chỉ hình minh hoạ truyện Đeo chuông cổ mèo, chỉ hình chuột nhắt, chuột già, bầy chuột, mèo và cái chuông.b) GV đọc mẫu; kết hợp giải nghĩa từ: vuốt (móng nhọn, sắc, cong của một số loài động vật như hổ, báo, mèo, diều hâu, đại bàng).c) Luyện đọc từ ngữ: một vài HS đánh vần, cả lớp đọc trơn: đeo chuông, thoát, vuốt mèo, gật gù, dám nhận, khôn ngoan, rất hay.d) Luyện đọc câu -Cho HS đọc thầm, đếm số câu.- GV chỉ từng câu chỉ liền 2câu lời nhân vật, cho HS đọc vỡ.- Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2 câu lời nhân vật) e) Thi đọc theo vai người dẫn chuyện, chuột nhắt, chuột già)- GV tô 3 màu trong bài đọc trên bảng lớp đánh dấu những câu văn là lời người dẫn chuyện, lời chuột nhắt, lời chuột già.- (Làm mẫu) 3 HS giỏi (mỗi HS 1 vai) đọc mẫu. - Cho từng tốp 3 HS phân vai luyện đọc trước khi thi. - Cho một vài tốp thi đọc. - GV khen những HS, tốp HS nhập vai tốt, đọc đúng lượt lời, biểu cảm. - Cho cả lớp đọc đồng thanh cả bài (đọc nhỏ). g) Tìm hiểu bài đọc -Cho 1 HS đọc trước lớp nội dung BT.-Cho HS viết ý mình chọn.-Cho HS thực hành hỏi đáp.-GV chốt lời giải đúng.**3.Vận dụng: (3 phút)**- Tìm tiếng có vần oan, oat.- Đọc lại bài tập đọc cho người thân nghe. | -HS chơi trò chơi.-Theo dõi GV giới thiệu bài.-HS theo dõi.-Luyện đọc: cá nhân, cả lớp.-Đọc thầm, đếm số câu.-1 HS, cả lớp đọc vỡ.-HS đọc nối tiếp câu.-Theo dõi để biết lời nhân vật.-Ba HS giỏi đọc mẫu.-Luyện đọc theo nhóm 3 trước khi thi.-HS thi đọc.-Cả lớp đọc.-HS đọc nội dung BT.-HS viết ý mình lựa chọn lên bảng con.-Một HS hỏi - 1 HS đáp. |

**IV.ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**BUỔI 2**

**Tiết 1: Tiếng Việt:**

**TẬP VIẾT (sau bài 118, 119)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1.Phát triển năng lực đặc thù**

***Năng lực ngôn ngữ:***

- Viết đúng các vần **oam, oăm, oan, oat**, các từ ngữ **ngoạm, mỏ khoằm, máy khoan, trốn thoát**

- Kiểu chữ viết thường, cỡ vừa và cỡ nhỏ. Chữ rõ ràng, đều nét.

**2.Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Kiên nhẫn, cẩn thận, có ý thức thẩm mỹ khi viết chữ. Biết quan sát, lắng nghe, ngồi viết đúng tư thế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Tivi, máy tính

- HS: vở luyện viết tập 2, bút.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| --- | --- |
| **1.Mở đầu: (4 phút)****-**Cho cả lớp hát 1 bài: Tập thể dục buổi sáng.-GV giới thiệu bài.**2.Luyện tập: (30 phút)*****2.1. Viết chữ cỡ nhỡ***- Cho HS đọc các vần và từ ngữ (cỡ nhỡ) trên bảng: *oam, ngoạm; oăm, mỏ khoằm; oan, máy khoan; oat, trốn thoát.*- GV hướng dẫn HS viết từng vần, từ ngữ. Chú ý độ cao các con chữ, cách nối nét, vị trí đặt dấu thanh (*ngoạm, mỏ khoằm, máy khoan, trốn thoát*).-Theo dõi HS luyện viết, nhắc nhở tư thế ngồi viết, hướng dẫn thêm cho HS.***2.2. Viết chữ cỡ nhỏ*** -Cho cả lớp đọc các từ ngữ (cỡ nhỏ): *ngoạm, mỏ khoằm, máy khoan, trốn thoát.* - GV hướng dẫn HS viết. Chú ý độ cao các con chữ: g, k, h, y: 2,5 li; t cao 1,5 li. -Cho HS viết vào vở.-Theo dõi hướng dẫn thêm cho HS.**3.Vận dụng: (1 phút)**Về nhà luyện viết thêm vào vở ô li. | **-**Cả lớp hát và vận động theo nhạc.-HS đọc (cá nhân, cả lớp)-Theo dõi GV hướng dẫn viết.- HS viết vào vở Luyện viết.-Cả lớp đọc.-Theo dõi Gv hướng dẫn viết.- HS viết vào vở Luyện viết, hoàn thành phần Luyện tập thêm.. |

**IV.ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiết 4: Toán:**

**Bài 49: SO SÁNH CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 1OO**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1.Kiến thức và kĩ năng:**

- So sánh được các số có hai chữ số.

- Thực hành vận dụng so sánh số trong tình huống thực tiễn.

**2.Năng lực:**

- Thông qua việc so sánh hai số sử dụng quan hệ lớn hơn, bé hơn, bằng nhau và các kí hiệu (>, <, =) ( NL mô hình hoá toán học, NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học.)

- Thông qua việc sử dụng các thẻ số, thẻ dấu (>, <, =), băng số, bảng các số đến 100 để xác định và thể hiện quan hệ lớn hơn, bé hơn, bằng nhau(NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán)

**3.Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: HS có ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao, HS thích học toán, thích học toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: +Học liệu điện tử..

 + Các băng giấy đã chia ô vuông và ghi số như ở bài 1, 2, 3.

- HS: Sách giáo khoa , vở bài tập, bộ đồ dùng học toán.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| --- | --- |
| **1.Khởi động: (4 phút)**- Cho HS *quan sát* tranh khởi động, nhận biết bối cảnh bức tranh, chia sẻ cặp đôi:+Theo em các bạn trong bức tranh đang làm gì? Nói cho bạn nghe suy nghĩ của mình.-GV chiếu *Báng các sổ từ 1 đến 100* và giới thiệu bài.**2. Hình thành kiến thức. (14 phút)****HĐ1. So sánh các số trong phạm vi 30**a) GV hướng dẫn HS cắt hai băng giấy ở *Bảng các số từ 1 đến 100,* ghép thành một băng giấy đặt trước mặt. GV gắn các băng giấy lên bảng .b) Cho HS thực hiện lần lượt các thao tác (tô, nhận xét, nói, viết);-GV chốt kết quả.c) GV hướng dẫn HS tô màu vào hai số 14 và 17 và so sánh.d) GV hướng dẫn HS cắt thêm băng giấy thứ ba, rồi yêu cầu HS tô màu vào hai số 18 và 21 và so sánh.- HS chọn hai số khác và so sánh tương tự như trên, viết kết quả vào phiếu học tập.**HĐ2. So sánh các số trong phạm vi 60**- GV hướng dẫn HS cắt tiếp ba băng giấy tiếp theo ở *Bảng các số từ 1 đến 100,* ghép thành một băng giấy đặt trước mặt. GV gắn băng giấy lên bảng.- GV chọn hai số, chẳng hạn 36 và 42, yêu cầu HS so sánh.- Cho HS chọn hai số khác và so sánh tương tự như trên, viết kết quả vào phiếu học tập.**HĐ3. So sánh các số trong phạm vi 100**- GV gắn phần còn lại trong bảng các số đến 100 lên bảng.- GV khoanh tròn vào hai số, chẳng hạn 62 và 67, yêu cầu HS so sánh.- Cho HS chọn hai số khác và so sánh tương tự như trên, viết kết quả vào phiếu học tập.**3. Thực hành, luyện tập. (15 phút)****Bài 1:a. Số?****-**Cho HS quan sát băng giấy, điền các số còn thiếu vào băng giấy rồi nòi kết quả với bạn.-Cho HS chia sẻ kết quả.**b. (<, >, =)****-**Cho HS đọc yêu cầu, quan sát băng giấy rồi điền kết quả vào ô trống, nói cách so sánh với bạn.-Cho HS chia sẻ kết quả trước lớp.-Chốt kết quả đúng.**Bài 2:** Làm tương tự như bài 1.-Cho HS làm bài vào vở.-Cho HS chia sẻ kết quả trước lớp.-GV chốt kết quả đúng.**Bài 3:** Làm tương tự như bài 1.**4.Vận dụng: (3 phút)****Bài 4: Xem tranh rồi trả lời câu hỏi.**- Cho HS quan sát tranh vẽ, nhận biết bối cảnh bức tranh, đếm số bông hoa mỗi bạn đang cầm, thảo luận với bạn xem ai có nhiều bông hoa nhất, ai có ít bông hoa nhất, giải thích.- Cho HS nêu tên các bạn có số bông hoa theo thứ tự từ ít nhất đến nhiều nhất.- GV chốt kq, khuyến khích HS nêu tình huống so sánh số lượng các đồ vật trong cuộc sống.- Về nhà, em hãy quan sát xem trong cuộc sống việc so sánh các số trong phạm vi 100 được sử dụng trong các tình huống nào. | -Quan sát tranh trong sách, nhận biết bối cảnh bức tranh.-Chia sẻ theo cặp đôi những thông tin quan sát được.-HS theo dõi.-HS thao tác.-HS thực hiện lần lượt các thao tác (tô, nhận xét, nói, viết);-HS thực hiện.-HS thực hiện.-HS thực hiện.-HS thao tác.-HS so sánh rồi nói kết quả với bạn.-HS chọn hai số khác so sánh rồi nói kết quả với bạn.-HS theo dõi.-HS so sánh rồi nói kết quả với bạn.-HS chọn hai số khác, so sánh, nói kết quả với bạn.-So sánh trước lớp.-HS thực hiện (cá nhân, cặp đôi)-Chia sẻ kết quả với bạn.-Đếm số trên băng giấy sau khi đã hoàn thành.-Quan sát băng giấy, điền dấu thích hợp và nói cách so sánh với bạn (cá nhân, cặp đôi).-Chia sẻ kết quả trước lớp.-HS thực hiện bài 2 (tương tự bài 1)Thực hiện cá nhân sau đó chia sẻ trong cặp đôi.-Chia sẻ trước lớp.-Thực hiện cá nhân, chia sẻ cặp, chia sẻ trước lớp.-Quan sát hình vẽ, đếm số bang hoa của mỗi bạn. (cá nhân)-Thảo luận với bạn ai có nhiều hoa nhất, ai có ít hoa nhất.-Chia sẻ kết quả trước lớp.-HS nêu. |

**IV.ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

*Thứ tư, ngày 19 tháng 2 năm 2025*

**Tiết 1: Tiếng Việt:**

**BÀI 120: OĂN, OĂT (T1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1.Phát triển năng lực đặc thù:**

***Năng lực ngôn ngữ:***

- HS nhận biết các vần **oăn, oăt**, đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **oăn, oăt**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **oăn,** vần **oăt**.

- Viết đúng các vần **oăn, oăt**, các tiếng (tóc) **xoăn**, (chỗ) **ngoặt** cỡ nhỡ (trên bảng con).

***Năng lực văn học:***

- Hiểu được các từ ngữ từ đó nối được từ ngữ ứng với hình

**2.Phẩm chất:**

- Yêu nước: Khơi gợi tình yêu thiên nhiên, tình yêu quê hương, đất nước.

- Chăm chỉ: HS có ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Học liệu điện tử.

- HS: Bộ đồ dùng TV, Sách TV, bảng, phấn.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| --- | --- |
| **1.Mở đầu: (4 phút)**-Cho cả lớp hát bài: Chú bé loắt choắt.-Cho HS đọc một số vần và tiếng chứa vần đã học.**-**GV giới thiệu bài: vần oăn, vần oăt. **2. Chia sẻ và khám phá (15 phút)*****2.1. Dạy vần oăn*** - GV viết: **o, ă, n**.-Cho HS nhìn hình nói: tóc xoăn .Tiếng **xoăn** có vần **oăn**. / Phân tích vần oăn, tiếng xoăn. / Đánh vần, đọc trơn: o - ă - nờ - oăn / xờ - oăn - xoăn / tóc xoăn.***2.2. Dạy vần oăt***- GV viết: **o, ă, t**.-Cho HS nhìn hình nói: chỗ ngoặt .Tiếng **ngoặt** có vần **oăt**. / Phân tích vần oăt, tiếng ngoặt / Đánh vần, đọc trơn: o - ă – tờ - oăt / ngờ - oăt – ngoăt- ngoặt chỗ ngoặt.-Cho cả lớp đọc trơn các vần, từ khoá: *oăn, tóc xoăn; oăt, chỗ ngoặt*.-Cho HS so sánh vần oăn, oăt-Cho HS cài oăn, oăt, xoăn, ngoặt.**3. Luyện tập (15 phút)*****3.1. Mở rộng vốn từ*** (BT 2: Tìm từ ngữ ứng với hình)- GV chỉ từng từ ngữ cho HS đánh vần, đọc trơn.-Cho HS làm bài tập và chia sẻ kết quả.- GV chỉ từng từ, cho cả lớp nói.***3.2. Tập viết*** (bảng con - BT 4) a)Cho HS đọc các vần, tiếng vừa học: **oăn, oăt, tóc xoăn, chỗ ngoặt**. b) Viết vần: **oăn, oăt**- GV vừa viết vần **oăn** vừa hướng dẫn cách viết, cách nối nét giữa **o, ă, n.**-Cho HS viết vào bảng con.c) Viết tiếng: (tóc) **xoăn**, (chỗ) **ngoặt**- GV viết mẫu tiếng **xoăn**, hướng dẫn cách viết, cách nối nét từ **x** sang vần **oăn** / Làm tương tự với **ngoặt**, chú ý dấu nặng đặt dưới **ă.****-**Cho HS viết vào bảng con.-Theo dõi và hướng dẫn thêm cho HS.-Nhận xét HS viết.**4.Vận dụng: (1 phút)**-Tìm tiếng có vần oăn, oăt. Đặt câu với tiếng vừa tìm được | **-**Cả lớp hát và vận động theo nhạc-HS đọc.-HS phát âm: oăn-HS phân tích, đánh vần vần oăn, tiếng xoăn (cặp đôi)- Đánh vần, đọc trơn: oăn, xoăn ( cá nhân, cặp đôi, N4)-HS nhận biết và phát âm.-HS phân tích, đánh vần vần oăt, tiếng ngoặt (cặp đôi)-Đánh vần, đọc trơn oăt, ngoặt ( cá nhân, cặp đôi, N4)-Cả lớp đọc.-HS so sánh.-HS cài.-2 HS cùng đánh vần, cả lớp đọc trơn.-HS đọc thầm, làm bài, nối hình với từ ngữ tương ứng.-1 HS báo cáo.-Cả lớp nhắc lại.-HS nói tiếng có vần oăn, vần oăt.-HS đọc (cá nhân, cả lớp)- 1 HS đọc vần oăn, nói cách viết. -Theo dõi Gv hướng dẫn viết.- HS viết: **oăn, oăt** (2 lần). -Theo dõi GV hướng dẫn viết.- HS viết: (tóc) **xoăn**, (chỗ) **ngoặt** (2 lần). |

**IV.ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiết 2: Tiếng Việt:**

**BÀI 120: OĂN, OĂT (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1.Phát triển năng lực đặc thù**

***Năng lực ngôn ngữ:***

- HS nhận biết các vần **oăn, oăt**, đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **oăn, oăt**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **oăn,** vần **oăt**.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc **Cải xanh và chim sâu**.

***Năng lực văn học***:

Hiểu được nội dung bài đọc Cải xanh và chim sâu, biết ích lợi của chim sâu từ đó biết yêu động vật.

**2.Phẩm chất:**

-Yêu nước: Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

- Nhân ái: Biết được ích lợi của chim sâu, biết bảo vệ và yêu quý động vật.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

-GV: Học liệu điện tử.

- HS: Sách TV, vở bài tập TV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| --- | --- |
| **1.Mở đầu ( 4 phút)****-**Cho HS chơi trò chơi: “Bắn tên” để tìm tiếng có vần oăn, oăt.-Nhận xét HS chơi.-GV giới thiệu bài.**2.Luyện tập: (28 phút)*****Tập đọc*** (BT 3).a) GV chỉ hình, giới thiệu bài Cải xanh và chim sâu: chim sâu bay trên vườn cải, những cây cải được vẽ nhân hoá.b) GV đọc mẫu. Giải nghĩa từ: làu bàu (nói nhỏ trong miệng, vẻ khó chịu), oằn mình (cong mình lại để chống đỡ lũ sâu), mềm oặt (mềm, rũ xuống).c) Luyện đọc từ ngữ: sáng sớm, làu bàu, buồn bã, nào ngờ, oằn mình chống đỡ, ngoắt phải, ngoặt trái, rũ xuống, mềm oặt, thoăn thoắt.d) Luyện đọc câu -Cho HS đọc thầm bài và đếm số câu.- GV chỉ từng câu cho 1 HS đọc, cả lớp đọc. Đọc liền câu 2 và 3. - Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2 câu ngắn). e) Thi đọc 3 đoạn (xem mỗi lần xuống dòng là 1 đoạn); thi đọc cả bài. g) Tìm hiểu bài đọc . - GV nêu YC; chỉ từng ý trong sơ đồ (trên bảng phụ), cả lớp đọc. -Cho HS làm bài vào VBT, chia sẻ kết quả.- GV: Qua bài đọc, em biết gì về chim sâu?-GV chốt kết quả đúng.**3.Vận dụng: (3 phút)**-Tìm tiếng có vần oăn, oăt.-Đọc bài tập đọc cho người thân nghe. | **-**HS chơi trò chơi để tìm tiếng có vần oăn, oăt.-Theo dõi GV giới thiệu bài.-Theo dõi GV đọc bài.-Luyện đọc (cá nhân, cả lớp).-HS đọc thầm và đếm số câu (11 câu)-Một HS đọc, cả lớp đọc.-HS nối tiếp câu.-HS đọc (cá nhân, cặp, tổ).-Cả lớp đọc.- HS làm trong VBT, hoàn thành câu 2 và 4. - 1 HS đọc kết quả. Cả lớp nhắc lại.-HS trả lời. |

**IV.ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Tiết 3: Tự chọn:**

**TỰ CHỌN 1: CỦNG CỐ ĐỌC VIẾT CÁC TIẾNG CHỨA VẦN**

 **OAM, OĂM, OAN, OAT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Phát triển năng lực đặc thù**

***Năng lực ngôn ngữ***

- Đọc đúng vần, đọc đúng tiếng có vần đã học.

- Viết đúng các vần: oam, oăm, oan, oat và các tiếng chứa các vần đó.

- Đọc trôi chảy các bài tập đọc đã học.

***Năng lực văn học:***

HS hiểu được nội dung bài đọc và trả lời được các câu hỏi tìm hiểu nội dung bài.

**2. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: +Kiên nhẫn, biết quan sát và viết đúng nét chữ, trình bày đẹp bài tập viết.

 + Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Máy tính, tivi để chiếu hình ảnh của bài học lên màn hình.

- HS: Vở ô li, bút chì, bảng con, phấn.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| --- | --- |
| **1.Mở đầu**: **(5 phút)****-** Cho cả lớp hát 1 bài: Ai ngoan, ai xinh...- Em hãy kể tên những vần đã học trong tuần.-Cho HS đọc một số vần và tiếng chứa vần đã học trong tuần.- GV nhận xét, giới thiệu bài**.****2.Luyện tập: (29 phút)****HĐ1**: **Luyện đọc**- Cho HS luyện đọcbài tập đọc: Mưu chú thỏ, trang 48 ( Sách TV)- Theo dõi HS đọc.- Giúp đỡ những HS đọc còn yếu.**HĐ2:** Luyện viết bảng con- Cho HS luyện viết bảng con các chữ: nhồm nhoàm. Sâu hoắm, hoạt hình, đĩa oản.- Hướng dẫn thêm cho HS yếu.**HĐ3:** Luyện viết vở.- Cho HS luyện viết vở tự học.- GV đọc đoạn 1 bài Mưu chú thỏ cho HS viết vào vở luyện viết.(HS viết cỡ chữ nhỏ)- GV chú ý HS tư thế ngồi viết, cách cầm bút.- Hướng dẫn thêm cho HS còn lúng túng.- Thu vở, nhận xét.**3.Vận dụng: (1 phút)**Cùng với người thân luyện viết các chữ đã học. | - Cả lớp hát 1 bài.- HS kể.-HS đọc.- HS đọc thầm bài tập đọc.- Gọi HS đọc câu(mỗi em 2 câu) của bài tập đọc.- HS luyện viết vào bảng con (1 lần)- HS nghe viết vào vở tự học |

**IV.ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

*Thứ năm, ngày 20 tháng 2 năm 2025*

**Tiết 1: Tiếng Việt:**

**BÀI 121: UÂN, UÂT (T1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phát triển năng lực đặc thù**

***Năng lực ngôn ngữ:***

- Nhận biết các vần **uân, uât**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **uân, uât**.

- Hoàn thành trò chơi: giúp thỏ đem cà rốt về kho tiếng chứa vần **uân**, vần **uât**.

- Viết đúng các vần **uân, uất**, các tiếng **huân** (chương), (sản) **xuất** cỡ nhỡ (trên bảng con).

**2.Phẩm chất:**

- Yêu nước: Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

- Chăm chỉ: HS có ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

**-Tích hợp GDQP AN:** Giáo dục học sinh tình yêu quê hương, đất nước.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

-GV: Học liệu điện tử.

-HS: Bộ đồ dùng học TV, Sách TV, bảng, phấn

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| --- | --- |
| **1.Mở đầu (5 phút)****-**Cho cả lớp hát 1 bài: Hoa lá mùa xuân.-Cho HS đọc một số vần và tiếng chứa vần đã học-Giới thiệu bài: vần uân, vần uât. **2. Chia sẻ và khám phá (14 phút)*****2.1. Dạy vần uân*** - GV viết: **u, â, n**.- Cho HS nói: huân chương. Tiếng **huân** có vần **uân**, / Phân tích vần uân, tiếng huân. / Đánh vần, đọc trơn: u - â - nờ - uân /hờ - uân - huân / huân chương.***Tích hợp GDQP AN:*** Giới thiệu hình ảnh hình ảnh huân chương.***2.2. Dạy vần uât*** .- GV viết: **u, â, t**.- Cho HS nói: sản xuất. Tiếng **xuất** có vần **uât**, / Phân tích vần uât, tiếng xuất. / Đánh vần, đọc trơn: u - â – tờ - uât /xờ - uât - xuât – sắc – xuất/ sản xuất.**-** Cho cả lớp đọc trơn các vần, từ khoá: uân, huân chương; uât, sản xuất.-Cho HS so sánh vần uân, uât.- Cho HS cài uân, uât, huân, xuất.**3. Luyện tập (14 phút)*****3.1. Mở rộng vốn từ*** (BT 2: Giúp thỏ đưa cà rốt về hai nhà kho cho đúng)- GV (đưa lên bên phải bảng hình ảnh trò chơi với 5 củ cà rốt từ; bên trái cũng lặp lại nội dung tương tự); nêu YC của trò chơi.- GV chỉ từng củ cà rốt.**-**Cho HS làm bài và chia sẻ kết quả.- GV chỉ từng từ, cho cả lớp nói.***Tích hợp GDQP AN:*** Giới thiệu hình ảnh hình ảnh tuần tra***3.2. Tập viết*** (bảng con - BT 4). a) Cho HS đọc các vần, tiếng: uân, uât, huân chương, sản xuất. b) Viết vần: uân, uât- GV viết vần uân, hướng dẫn cách viết, viết dấu mũ trên â, cách nối nét. / Làm tương tự với vần uât.-Cho HS viết bảng con.c) Viết tiếng: huân chương), (sản) xuất- GV viết mẫu tiếng huân, hướng dẫn viết.-Cho HS viết vào bảng con.-Nhận xét HS viết bài.**4.Vận dụng: (2 phút)**-Tìm tiếng có vần uân, uât. Đặt câu với từ vừa tìm được. | -Cả lớp hát và vận động theo nhạc.-HS đọc.- Nhận biết và phát âm uân, huân.-HS phân tích uân, huân ( cặp đôi) -HS đánh vần vần uân, tiếng huân (cá nhân , cặp đôi, cả lớp)- HS theo dõi.-Nhận biết và phát âm uât, xuất.-HS phân tích uât, xuất (cặp đôi)-HS đánh vần vần uât, tiếng xuất (cá nhân, cặp đôi, cả lớp)-Cả lớp đọc.-HS so sánh.-HS cài.-HS theo dõi.-1 HS đọc, cả lớp đọc.- HS làm bài: chuyển từng củ cà rốt về kho vần **uân**, vần **uât**.- 2 HS lên bảng thi xếp cà rốt về kho (nối chữ với hình) đúng, nhanh.- HS chia sẻ kết quả.-HS nói tiếng có vần uân, vần uât.-HS theo dõi.-HS đọc.- HS đọc vần uân, nói cách viết. -Theo dõi GV viết bài.- HS viết: uân, uât (2 lần).-Theo dõi GV hướng dẫn viết.- HS viết: **huân** (chương), (sản) **xuất** (2 lần). |

**IV.ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiết 3: Tiếng Việt:**

**BÀI 121: UÂN, UÂT (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1.Phát triển năng lực đặc thù:**

***Năng lực ngôn ngữ***

- Nhận biết các vần **uân, uât**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **uân, uât**.

- Hoàn thành trò chơi: giúp thỏ đem cà rốt về kho tiếng chứa vần **uân**, vần **uât**.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc **Cáo và gà**.

***Năng lực văn học:***

Hiểu được nội dung bài đọc Cáo và gà: Chớ vội tin những lời nói ngọt ngào của những kẻ gian ngoan như cáo, hãy thông minh, tỉnh táo như gà.

**2.Phẩm chất**

- Nhân ái: Khơi gợi tình yêu thiên nhiên, tình yêu động vật.

- Chăm chỉ: Học sinh có ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao, thích học tiếng Việt.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Học liệu điện tử.

- HS: Sách TV, vở bài tập TV

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| --- | --- |
| **1.Mở đầu (4 phút)****-**Cho HS chơi trò chơi: “Bắn tên” để tìm tiếng có vần uân, uât.-Nhận xét HS chơi.-GV giới thiệu bài.**2.Luyện tập: (29 phút)*****Tập đọc*** (BT 3).a) GV chỉ hình minh hoạ bài Cáo và gà: gà bay vù lên cây trước mõm cáo, các bác nông dân cầm gậy đuổi theo cáo.b) GV đọc mẫu. Giải nghĩa từ: tuấn tú (khuôn mặt đẹp, thông minh, sáng sủa); uất (tức quá nhưng phải nhịn, không nói ra).c) Luyện đọc từ ngữ: đi dạo, ngọt ngào, đi chơi xuân, tuấn tú, mải nghe nịnh, ngoạm, lao ra đuổi, mở miệng, bay tót lên, uất quá.d) Luyện đọc câu -Cho HS đọc thầm đếm số câu.- GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ (có thể đọc liền các câu 2, 3, 4, 5). - Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2, 3 câu lời nhân vật).e) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (6 câu / 5 câu); thi đọc cả bài.g) Tìm hiểu bài đọc- GV nêu YC.-GV kết luận: Ý b đúng. -Cho HS thực hành hỏi đáp.- GV: Bài đọc khuyên các em điều gì?GV: Bài học khuyên các em cần cảnh giác, đề phòng kẻ xấu phỉnh nịnh, dụ dỗ. Khi gặp nạn, cần thông minh nghĩ cách tự cứu mình.- Cho cả lớp đọc 8 vần vừa học trong tuần (SGK, chân trang 50).**3.Vận dụng: (2 phút)**-Tìm tiếng có vần uân, uât. Đặt câu với tiếng vừa tìm được.- Đọc cho người thân nghe lại bài tập đọc. | **-**HS chơi trò chơi để tìm tiếng có vần uân, uât.-HS theo dõi GV giới thiệu bài.-Nghe GV đọc bài.-Luyện đọc (cá nhân, cả lớp).-HS đọc thầm, đếm số câu.-HS luyện đọc câu (cá nhân, cặp đôi).-HS đọc tiếp nối câu.-HS thi đọc (cá nhân, cặp, tổ)-HS đọc nội dung BT.-HS làm bài, viết phương án lựa chọn (a hay b) lên bảng con.-HS giơ bảng con.-Thực hành: 1 HS hỏi- cả lớp đáp .-HS phát biểu.-Cả lớp đọc. |

**IV.ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Tiết 4: Toán:**

**Bài 50**: **LUYỆN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1.Kiến thức và kĩ năng:**

- So sánh được các số có hai chữ số.

- Thực hành vận dụng so sánh số trong tình huống thực tế.

**2.Năng lực**

- Thông qua việc so sánh hai số sử dụng quan hệ lớn hơn, bé hơn, bằng nhau và các kí hiệu (>, <, =) ( NL mô hình hoá toán học, NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học)

- Thông qua việc đặt câu hỏi và trả lời liên quan đến các tình huống có quan hệ *lớn hơn, bé hơn, bằng nhau* ( NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học)

**3.Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: HS có ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao, HS thích học toán, ham học toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Học liệu điện tử, Bảng các số từ 1 đến 100; Các thẻ số 38, 99, 83 và một số thẻ số khác.

- HS: Bộ đồ dùng học toán, Sách Toán, VBT toán.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| --- | --- |
| **1.Khởi động: (5 phút)****-** Chơi trò chơi “Đố bạn”:+GV chiếu *Bảng các số từ 1 đến 100.*+ Cho HS chọn hai số bất kì trong bảng rồi đố bạn so sánh hai số đó.-Nhận xét HS chơi trò chơi.-GV giới thiệu bài.**2.Thực hành, luyện tập: (25 phút)****Bài 1: (<, >, =)****-**Cho HS làm bài tập vào vở sau đó chia sẻ với bạn kết quả và cách làm.-Cho HS chia sẻ kết quả trước lớp.-GV chốt kết quả đúng.**Bài 2: Cho các số 38, 99, 83.**-Cho HS tự làm bài rồi chia sẻ theo cặp, trước lớp.-Cho HS lấy các thẻ khác và thực hiện tương tự như trên.-Nhận xét, chốt kết quả đúng.**Bài 3**Cho HS làm bài cá nhân, chia sẻ cặp đôi rồi chia sẻ trước lớp.- GV khuyến khích HS đặt câu hỏi cho bạn về so sánh liên quan đến tình huống bức tranh.**3.Vận dụng: (5 phút)****Bài 4**-Cho HS làm bài cá nhân, chia sẻ trong nhóm.-Cho HS chia sẻ trước lớp.- GV chốt kết quả đúng. | -HS chơi trò chơi.-HS tự làm bài cá nhân.-Đổi vở cho nhau kiểm tra, đọc kết quả và chia sẻ với bạn cách làm.-Chia sẻ kết quả trước lớp.- HS lấy các thẻ số 38, 99, 83. Đố bạn chọn ra thẻ ghi số lớn nhất, số bé nhất rồi sắp xếp các thẻ số trên theo thứ tự từ bé đến lớn.-Chia sẻ kết quả trước lớp.-HS thực hiện tương tự với các thẻ khác.- Cá nhân HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì?- HS đọc số điểm của mỗi bạn trong trò chơi thi tâng cầu rồi sắp xếp tên các bạn theo thứ tự số điểm từ lớn đến bé.-HS đặt câu hỏi liên quan đến tình huống.- Cá nhân HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì?- HS đọc các số còn thiếu giúp nhà thám hiểm vượt qua chướng ngại vật.-Nói cho bạn nghe trong các só đó số nào lớn nhất, bé nhất, số tròn chục lớn nhất, bé nhất. |

**IV.ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

*Thứ sáu, ngày 21 tháng 2 năm 2025*

**Tiết 1: Tiếng Việt:**

**BÀI 122: KỂ CHUYỆN HOA TẶNG BÀ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1.Phát triển năng lực đặc thù:**

***Năng lực ngôn ngữ:***

- Nghe và nhớ câu chuyện.

- Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi theo tranh.

- Nhìn tranh, có thể kể được từng đoạn câu chuyện.

***Năng lực văn học***

- Hiểu ý nghĩa câu chuyện: Ai tốt bụng, sẵn sàng giúp đỡ mọi người sẽ được mọi người yêu quý.

**2.Phẩm chất:**

- Yêu nước: Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

- Nhân ái: luôn yêu thương và giúp đỡ người khác.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Học liệu điện tử - 6 tranh minh hoạ truyện phóng to.

- HS: Sách TV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| --- | --- |
| **1.** **Chia sẻ và giới thiệu câu chuyện**.(**4 phút)*****+***Quan sát và phỏng đoán: GV gắn lên bảng 6 tranh minh hoạ truyện, cho HS xem tranh, nói tên các con vật trong tranh.+ GV: Các em hãy đoán voi con làm gì?+GV giới thiệu chuyện.**2. Khám phá và luyện tập (30 phút)*****2.1. Nghe kể chuyện***:-GV kể chuyện (3 lần).***2.2. Trả lời câu hỏi theo tranh*** a) Mỗi HS trả lời câu hỏi theo 1 tranh (có thể lặp lại câu hỏi với 1 HS khác).-GV nêu câu hỏi dưới mỗi tranh gọi HS trả lời.-GV nhận xét HS trả lời.b) Mỗi HS trả lời các câu hỏi theo 2 tranh. c) 1 HS trả lời câu hỏi theo 6 tranh. -GV nhận xét, tuyên dương HS.***2.3. Kể chuyện theo tranh*** (GV không nêu câu hỏi) a) Mỗi HS chỉ 2 tranh, tự KC. b) HS kể chuyện theo tranh bất kì.c) 1 HS chỉ 6 tranh, tự KC.-GV cất tranh, 1 HS kể chuyện.-Nhận xét HS kể chuyện, tuyên dương HS.***2.4. Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện***- Vì sao voi bà nói bó hoa của voi con tặng “thật tuyệt”.-GV chốt lại: Vì đó là bó hoa tặng cho lòng tốt của voi con. Đó là phần thưởng cho lòng nhân hậu chú voi còn nhỏ nhưng đã biết quan tâm, giúp đỡ mọi người.- GV: Câu chuyện giúp em hiểu điều gì?GV: Voi con tốt bụng, nhân hậu, hiếu thảo. Những người tốt bụng, sẵn sàng giúp đỡ mọi người sẽ được mọi người yêu quý.- GV: Em thích nhân vật nào trong truyện?**3.Vận dụng: (1 phút)**Về nhà kể với người thân điều hay em đã học được ở lớp.  | **-**Cả lớp hát bài và vận động theo nhạc.+HS quan sát tranh và nói tên các con vật trong tranh.+HS đoán.-Nghe GV kể chuyện.-Mỗi HS trả lời câu hỏi của 1 tranh.-Quan sát tranh trả lời câu hỏi-HS khác nhận xét, bổ sung.-HS trả lời câu hỏi của 2 tranh.-HS khác nhận xét, bổ sung.-Một HS trả lời câu hỏi của 6 tranh.-HS khác nhận xét, bổ sung.-HS thực hiện.-HS kể chuyện.- Hai HS kể chuyện (cả 6 tranh).-HS kể chuyện (không nhìn tranh).-HS phát biểu.-HS phát biểu.-HS trả lời. |

**IV.ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiết 3: Tiếng Việt:**

**BÀI 123: ÔN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phát triển năng lực đặc thù:**

***Năng lực ngôn ngữ***

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc Vườn thú.

- Điền đúng vần thích hợp (oăn hay oăm) vào chỗ trống trong 2 câu văn rồi chép lại 2 câu đó đúng chính tả, với cỡ chữ nhỏ.

***Năng lực văn học***

Hiểu được nội dung bài đọc Vườn thú, biết được đặc điểm của một số loài thú.

**2.Phẩm chất:**

- Yêu nước: Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

 - Nhân ái: HS có tình yêu động vật.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Học liệu điện tử.

- HS: Vở Luyện viết 1, tập hai, vở BT, sách TV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| --- | --- |
| **1.Mở đầu: (4 phút)****-**Cho cả lớp hát bài: Vườn cổ tích.-Cho HS đọa một số vần và tiếng chứa vần đã học trong tuần.-GV giới thiệu bài.**2. Luyện tập** (**30 phút)*****2.1. BT 1*** (Tập đọc)a) GV chỉ hình minh hoạ, giới thiệu bài Vườn thú.b) GV đọc mẫu: giọng vui, hồn nhiên.c) Luyện đọc từ ngữ :vườn thú, ngoạm, tảng thịt bò, quất lên lưng, chích chòe, nhảy thoăn thoắt, mỏ khoằm, trắng toát.d) Luyện đọc câu -Cho HS đọc thầm bài và đếm số câu.- GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ.- Đọc tiếp nối từng câu.e) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (6 câu / 5 câu); thi đọc cả bài.g) Tìm hiểu bài đọc - GV giải thích YC: Thay hình ảnh bằng từ ngữ thích hợp và nói lại... - GV chỉ hình từng con vật, cho cả lớp nói.- GV chỉ từng ý a, b, c, d, e, cho cả lớp thay hình ảnh bằng từ ngữ, hoàn thành câu.-GV cho HS nói lại các câu đã hoàn chỉnh.***2.2. BT 2*** (Điền vần **oăn** hay **oăm**? - Tập chép) - GV viết bảng 2 câu văn cần điền vần, cỡ chữ nhỏ; nêu 2 yêu cầu của bài tập. -Cho HS làm nbài tập vào vở BT Tiếng Việt.- Cho cả lớp chép vào vở Luyện viết 1 hai câu văn; tổ chữ **V, C** hoa đầu câu. - GV chữa bài, nhận xét chung.**3.Vận dụng (1 phút)**-Luyện viết vào vở Luyện viết. | -Cả lớp hát và vận động theo nhạc.-HS đọc.-Nghe GV giới thiệu bài.-Nghe GV đọc bài.-Luyện đọc: cá nhân, cả lớp-Đọc thầm bài và đếm số câu. (11 câu)-HS đọc: cá nhân, cả lớp.-Cá nhân, từng cặp.-HS đọc (cá nhân, cặp, tổ)-HS nói tên con vật.-HS thực hiện.-HS nói các câu đã hoàn chỉnh.-Theo dõi y/c.-HS làm bài vào vở.-HS chữa bài.-Cả lớp đọc 2 câu đã hoàn chỉnh.-HS chép vào vở.- HS viết xong, tự soát lỗi; đổi bài với bạn, sửa lỗi.  |

**IV.ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiết 4: Hoạt động trải nghiệm:**

**SINH HOẠT LỚP: CHUẨN BỊ HỘI DIỄN**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1.Năng lực:**

***Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động***

- Biết chia sẻ với các bạn trong việc chuẩn bị tham gia hội diễn của lớp.

- Tích cực tham gia các tiết mục trong hội diễn của lớp.

- Nghe đánh giá hoạt động tuần 23, và kế hoạch tuần 24.

**2.Phẩm chất:**

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm với công việc được giao, tích cực tham gia hoạt động.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Kết quả học tập và hoạt động trong tuần 23

**II. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1.Khởi động (4 phút)**-Cho cả lớp hát 1 bài: Như một hòn bi xanh.**2. Luyện tập: (30 phút)****2.1. Nhận xét trong tuần 23.**- GV yêu cầu các tổ trưởng báo cáo:+Đi học chuyên cần:+Tác phong, đồng phục .+Chuẩn bị bài, đồ dùng học tập. +Vệ sinh. -GV nhận xét qua 1 tuần học:-GV tuyên dương cá nhân và tập thể có thành tích.-GV nhắc nhở những tồn tại hạn chế của lớp trong tuần.**2.2.Kế hoạch tuần 24**- Thực hiện dạy tuần 24*-* Tiếp tục thực hiện nội quy HS, thực hiện ATGT, ANTT trường học.-Thực hiện tốt các phong trào lớp, trường, triển khai chủ điểm mới. -Dặn học sinh luyện đọc, luyện viết.**2.3.Chuẩn bị hội diễn.**- GV thông báo kế hoạch tổ chức hội diễn của nhà trường. -GV hướng dẫn HS trao đổi, chia sẻ theo tổ theo nội dung: + Nhóm mình sẽ tham gia các tiết mục văn nghệ nào?+Giới thiệu các bạn tham gia đội văn nghệ của lớp. + Đội văn nghệ của lớp sẽ luyện tập như thế nào? Thời gian, địa điểm luyện tập? + Những việc cần GV hỗ trợ.- Lớp trưởng: + Công bố danh sách HS tham gia đội văn nghệ của lớp. + Các tiết mục văn nghệ của lớp sẽ tham gia hội diễn và phân công HS thực hiện.**3.Vận dụng (1 phút)**-Đội văn nghệ tích cực tập luyện để tham gia tốt hội diễn. | -Cả lớp hát và vỗ tay.-Các tổ trưởng tổng hợp kết quả theo dõi trong tuần của tổ mình về: Nề nếp, học tập, vệ sinh.- Lắng nghe để thực hiện.- Lắng nghe để thực hiện.- Lắng nghe để thực hiện.-HS theo dõi để biết kế hoạch hội diễn.-Các tổ trao đổi về:+ Các tiết mục văn nghệ sẽ tham gia hội diễn.+ Giới thiệu các bạn tham gia hội diễn.+ Kế hoạch tập luyện.+ Đề xuất GV hỗ trợ.-Cả lớp theo dõi để thực hiện. |

**IV.ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**BUỔI 2**

**Tiết 2+3: Tự chọn:**

**TỰ CHỌN 1 BÀI HỌC STEM : THẾ GIỚI MÀU SẮC**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1.Môn học** **chủ đạo** (Tự nhiên và Xã hội)

-Nêu được tên, chức năng của thị giác.

- Giải thích được ở mức độ đơn giản tại sao cần phải bảo vệ mắt.

**Môn học** **tích hợp**

Mĩ thuật

-Nêu được tên một số màu; bước đầu mô tả, chia sẻ được cảm nhận về hình ảnh chính ở sản phẩm.

-Trưng bày và nêu được tên sản phẩm, chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của cá nhân, của bạn bè.

-Biết cách sử dụng, bảo quản một số vật liệu, chất liệu thông dụng như màu vẽ, giấy màu,... trong thực hành, sáng tạo.

Toán

-Đếm, đọc, viết được các số trong phạm vi 10.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Các phiếu học tập và phiếu đánh giá.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

- Mỗi nhóm học sinh (5 - 6 hs/nhóm) chuẩn bị những vật dụng sau:

Kéo: 1 cái/nhóm; Màu sáp: 1 hộp/nhóm; Khổ giấy A4: 1 tập/nhóm; Hồ dán: 1 lọ/nhóm; Thước, viết chì: 1 thước, 1 viết chì/nhóm

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**1. Hoạt động 1. Mở đầu *(Xác định vấn đề)***

***a) Khởi động***

**-** Em hãy quan sát hình bên dưới và cho biết hiện tượng gì đang xảy ra ở trên bầu trời. Hiện tượng này thường xảy ra khi nào?

- Em có thể tạo một mô hình tương tự như hình bên được không?



***b) Giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu mỗi nhóm học sinh chế tạo mô hình cầu vồng và phát phiếu đánh giá với các tiêu chí cụ thể sau:

+ Mô hình cầu vồng có thể được sáng tạo từ những thứ gần gũi trong đời sống

+ Mô hình cầu vồng được chế tạo từ những loại vật liệu dễ tìm, chi phí thấp

+ Mô hình cầu vồng được làm có tính chắc chắn, và tính thẩm mỹ cao.

- Học sinh nhận nhiệm vụ học tập: làm việc cá nhân và theo nhóm để thiết kế và

chế tạo và điều chỉnh mô hình cầu vồng.

**2. Hoạt động 2: *Hình thành kiến thức mới* *(kiến thức nền)***

- GV yêu cầu HS tìm hiểu và trả lời các câu hỏi sau:

1) Cầu vồng trên hình ở hoạt động Khởi động có bao nhiêu màu chính? Em hãy nêu tên các màu và thứ tự sắp xếp.

2) Em thường thấy cầu vồng có hình dạng như thế nào?

- Mỗi HS hoạt động cá nhân để tìm hiểu kiến thức nền.

- Mỗi HS tự nghiên cứu để vẽ bản thiết kế về mô hình cầu vồng được giao.

**3. Hoạt động 3: *Đề xuất và lựa chọn giải pháp***

- Em hãy vẽ và mô tả các bộ phận của mô hình cầu vồng (hình dạng, kích thước, màu sắc,…), rồi đề xuất vật liệu phù hợp để chế tạo.

- Em hãy trình bày bản vẽ của mình trước nhóm, sau đó thảo luận để cả nhóm thống nhất chọn bản vẽ được yêu thích nhất từ kiểu dáng đến vật liệu để làm.

**4. Hoạt động 4: *Chế tạo mẫu, thử nghiệm và đánh giá***

**-** Nhóm phân công các thành viên chế tạo mô hình cầu vồng.

- Nhóm thực hiện việc thử nghiệm mô hình cầu vồng theo hướng dẫn của GV.

- Nhóm tiến hành đánh giá mô hình cầu vồng theo những tiêu chí đã được giáo viên hướng dẫn.

**5. Hoạt động 5: *Chia sẻ, thảo luận và điều chỉnh***

- Mỗi nhóm cử thành viên chia sẻ về quá trình làm việc, phân công trong nhóm để chế tạo, thử nghiệm, đánh giá mô hình cầu vồng.

- Cả lớp thảo luận để góp ý về mô hình cầu vồng, quá trình làm việc của các nhóm bạn.

- Mỗi nhóm điều chỉnh mô hình cầu vồng của nhóm mình theo góp ý của các nhóm bạn và GV.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_